

Bản án số: 15/2026/DS-ST

Ngày: 30-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2025/TLST – DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 và bà Trương Thị X, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 8 B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Tống Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 6 đường C, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị X trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X và ông Tống Văn T có quen biết nhau. Trước đó, ông B, bà X đã nhiều lần cho ông T vay mượn tiền. Vì tình cảm quen biết nên ông B, bà X còn đứng ra vay tiền người khác để cho ông T vay. Ngày 24 tháng 01 năm 2021, ông T có ký Giấy khát nợ, theo đó ông T xác nhận nợ vợ chồng ông B, bà X số tiền 287.000.000 đồng; thời gian hẹn trả nợ là ngày 30 tháng 4 năm 2021. Tuy nhiên sau khi ký giấy khát nợ ông T không trả tiền vay cho ông B, bà X. Ông B, bà X đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T không trả. Do vậy, ông B, bà X khởi kiện yêu cầu ông T trả cho ông B, bà X số tiền 287.000.000 đồng gốc và tiền lãi tính từ ngày 30-4-2021 đến khi ông T

trả xong khoản nợ trên. Ông B, bà X xác nhận khoản vay là do cá nhân ông T vay, không liên quan vợ ông T. Do vậy, ông B, bà X xác nhận cá nhân ông T phải có trách nhiệm trả nợ.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn ông Tống Văn T trình bày: Ông T xác nhận ông T và vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X có nhiều mối quan hệ vay nợ, số đề qua lại giữa các bên. Trước đây, do ông T có chơi đề thua nợ ông B nên ông B nhiều lần giới thiệu ông T vay tiền để trả cho ông B. Vì không trả được nợ ông B, ông B nhiều lần đến đòi nợ ông T nên ông T phải vay tiền Ngân hàng và bán nhà để trả tiền cho ông B. Ông T phải nhiều lần mượn tiền người khác, ghi giấy nợ và ông B nhiều lần đến nhà quây phá ông T. Do nợ lãi cao (10%/tháng) nên tiền nợ ngày càng nhiều. Đến ngày 24 tháng 01 năm 2021, ông B, bà X có yêu cầu ông T ký vào Giấy khất nợ như ông B, bà X trình bày, tổng số tiền ông T ký nợ ông B, bà X là 287.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông B, bà X thì ông T đồng ý trả cho ông B, bà X số tiền gốc 287.000.000 đồng, ông T đề nghị trả 1 triệu/1 tháng cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi thì ông T đề nghị ông B, bà X miễn cho ông T vì ông T cũng không còn tài sản gì để trả cho ông B. Ông T xác nhận khoản vay này là của cá nhân ông T, không liên quan đến vợ ông T.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X trình bày: Giữa ông B, bà X và ông T không có quan hệ ghi đề như ông T trình bày. Ông T trình bày ông B cho ông T vay lãi suất 10%/tháng là không có căn cứ. Do ông B nhiều lần đứng ra vay tiền dùm cho ông T, ông B còn vay tiền người khác để cho ông T vay nên giấy khất nợ ngày 24-01-2021 có ghi nội dung “mượn của A. H 50.000.000 đồng”. Mặc dù nội dung ghi mượn của anh H tuy nhiên ông B là người đứng ra vay ông H để có tiền ông B cho ông T vay nên ở dưới mới ghi “Người cho vay” là ông Nguyễn Văn B; “người làm chứng” là ông Nguyễn Duy H. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông T xác nhận ông T đã mượn số tiền 50.000.000 đồng của ông Vũ Văn H1 để trả cho ông Nguyễn Duy H. Ông T xác nhận đã trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng và ông T đang nợ ông H1 số tiền 50.000.000 đồng. Do vậy, ông B, bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện. Ông B, bà X khởi kiện buộc ông T trả cho ông B, bà X số tiền 237.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày ông T vi phạm là ngày 01-5-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày (30-01-2026) tổng cộng 349.509.167 đồng, trong đó 237.000.000 tiền gốc vay và 112.509.167 đồng tiền lãi. Ông B, bà X xác định khoản vay của ông B, bà X và ông T không liên quan đến người khác nên đề nghị không triệu tập ai tham gia vào vụ án này.

Bị đơn ông Tống Văn T trình bày: Ông T xác nhận sau khi ký Giấy khất nợ ngày 24-01-2021 thì vào ngày 06-02-2021, ông T đã vay số tiền 50.000.000 đồng của ông Vũ Văn H1 để trả cho ông Nguyễn Duy H. Hiện nay ông T vẫn còn đang nợ ông Vũ Văn H1 số tiền 50.000.000 đồng. Do vậy, nay ông T chỉ còn nợ ông B số tiền 237.000.000 đồng. Ông T đồng ý trả cho ông B, bà X số tiền 237.000.000 đồng tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, hiện nay ông T không có việc làm, không còn nhà cửa, hiện đang đi ở trọ nên ông T đề nghị được trả ông B, bà X 01 tháng

1.000.000 đồng đến khi hết nợ và đề nghị ông B, bà X miễn tiền lãi cho ông T. Đối với việc trước đây ông B cho ông T vay lãi suất 10%/1 tháng thì ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do việc ông T vay số tiền 50.000.000 đồng của ông Vũ Văn H1 là quan hệ vay tiền khác do vậy trong vụ án này ông T không yêu cầu triệu tập thêm ai tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. T1 buộc ông Tống Văn T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X tổng số tiền là 349.509.167 đồng, trong đó 237.000.000 đồng tiền nợ gốc và 112.509.167 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đã vay nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại phường R, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X về việc yêu cầu bị đơn ông Tống Văn T trả tiền gốc vay theo Giấy khất nợ ngày 24-01-2021:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-9-2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X yêu cầu buộc bị đơn ông Tống Văn T phải trả số tiền gốc vay 287.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc vay 237.000.000 đồng:

Điều 244. Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“ Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu.”

Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 237.000.000 đồng theo Giấy khất nợ ngày 24-01-2026. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý trả số tiền 237.000.000 đồng cho nguyên đơn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phương thức, thời gian trả nợ: Bị đơn ông Tống Văn T có nguyện vọng trả cho ông B, bà X 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết khoản vay. Tuy nhiên, ông B, bà X không đồng ý với phương án trả nợ do ông T đưa ra. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông T. Buộc bị đơn ông Tống Văn T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X số tiền 237.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X về việc yêu cầu bị đơn ông Tống Văn T phải trả số tiền lãi do chậm thanh toán nghĩa vụ tính từ ngày 01-5-2021 đến ngày mở phiên tòa xét xử là 112.509.167 đồng:

Xét thỏa thuận vay tiền theo Giấy khất nợ ngày 24-01-2021 giữa ông B và ông T không quy định lãi suất cho vay.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Do vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền lãi tính từ ngày vi phạm là ngày 01-5-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30-01-2026, số

tiền 237.000.000 đồng x 10%/năm x 4 năm 8 tháng 29 ngày = 112.509.167 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn không có ý kiến đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu chỉ có ý kiến được miễn tiền lãi do bị đơn đang gặp khó khăn về hoàn cảnh kinh tế. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn, không đồng ý miễn tiền lãi cho bị đơn. Do đó ý kiến của bị đơn về việc được miễn tiền lãi không được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền lãi vay là số tiền 112.509.167 đồng.

Từ [2.1] và [2.2] Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 349.509.167 đồng, trong đó 237.000.000 đồng tiền gốc và 112.509.167 đồng tiền lãi.

[2.3] Về người có trách nhiệm trả nợ: Ông B, bà X xác nhận, cá nhân ông B ký Giấy khất nợ với ông T; ông B, bà X cho ông T vay tiền, không cho vợ ông T vay tiền. Ông T xác nhận khoản vay ông T nợ ông B, bà X liên quan đến việc ông T ghi đề, không liên quan đến vợ ông T nên Hội đồng xét xử xác định người có nghĩa vụ trả nợ cho ông B, bà X là cá nhân ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa vợ ông T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2.4] Đối với nội dung ông T trình bày về việc các bên có quan hệ ghi đề và trước đó ông B, bà X có cho ông T vay tiền với lãi suất 10%/tháng. Ngoài lời trình bày, ông T không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình, nguyên đơn ông B, bà X trình bày lời khai của ông T là không đúng sự thật. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét các nội dung ông T trình bày liên quan đến quan hệ ghi đề và lãi suất trước đó giữa 02 bên.

[2.5] Tại Giấy khất nợ ngày 24-01-2021 có nội dung “50.000.000 đồng tiền A. H”. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận số tiền 50.000.000 đồng là tiền ông B đứng ra vay ông H để cho ông T vay và ông T đã trả cho ông H số tiền này. Xét việc ông B đi vay tiền ông H cho ông T vay không liên quan đến việc giải quyết vụ án, ông B và ông T cùng xác nhận ông T đã trả cho ông H số tiền 50.000.000 đồng nên ông B, bà X đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T trả số tiền 50.000.000 đồng này.

Hội đồng xét xử xét thấy việc xem xét yêu cầu khởi kiện số tiền gốc vay 237.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn không liên quan đến ông Nguyễn Duy H. Do vậy, Hội đồng xét xử không đưa ông H vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.6] Tại phiên tòa, ông B, bà X và ông T cùng xác nhận vào ngày 06-02-2021, ông T có mượn số tiền 50.000.000 đồng của ông Vũ Văn H1 để trả cho ông Nguyễn Duy H và hiện nay ông T vẫn còn đang nợ ông Vũ Văn H1 số tiền này. Xét thỏa thuận vay tiền giữa ông T, ông H1 không liên quan đến việc giải quyết vụ án. Thỏa thuận vay tiền giữa ông T và ông H1 sẽ được xem xét bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X đối với bị đơn ông Tống Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Tống Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X tổng số tiền 349.509.167đ (*ba trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó 237.000.000 đồng tiền gốc vay và 112.509.167 đồng tiền lãi vay.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tống Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B, bà Trương Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.100.000đ (*bảy triệu, một trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0029206 ngày 22-10-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huê

